TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2022/DSPT.
Ngày: 19-7-2022
V/ v "*Tranh chấp QSD đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế
Ông Hoàng Quý Sửu

- *Thư ký Tòa án*: Bà Lương Thị Thúy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đ2 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên**: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/DSPT ngày 05 tháng 10 năm 2021 về "*Tranh chấp QSD đất"* Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST Ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn N (L), sinh năm 1944. Vắng mặt.
Trú tại: Xóm CM, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.
Người Đ2 diện theo ủy quyền: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1979;
Trú tại: Xóm TM, xã LT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt
2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1972; Có mặt.
Trú tại: Xóm CM, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.
3. Người có Quyền lợi, nghĩa V liên quan:
3.1 Bà Luân Thị Q1, sinh năm 1973; (vợ ông Q có mặt)
3.2 Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1975 (con ông N vắng mặt)
3.3 Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1977 (con ông N vắng mặt)
3.4 Anh Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1981 (con ông N có mặt)
3.5 Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1983 (con ông N vắng mặt)
3.6 Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1985 (con ông N có mặt)
Đều trú tại: Xóm CM xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.
3.7 Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1979; (con ông N có mặt)
Trú tại: Xóm TM, xã LT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.
3.8 Bà Hoàng Thị Đ2, sinh năm 1961; (chị gái ông Q). Vắng mặt.
Trú tại: Xóm CM, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Bà Hoàng Thị Đ2 ủy quyền cho ông Lương Hồng T2, sinh năm 1947 (là chồng bà Đ2). Trú tại: Xóm CM, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

3.9 Bà Hoàng Thị Đ3, sinh năm 1962; (chị gái ông Q). Có mặt.

Trú tại: Xóm TL, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

3.10 Bà Hoàng Thị V1, sinh năm 1964; (chị gái ông Q). Có mặt.

Trú tại: Xóm ĐK, xã KM, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

3.11 Ông Hoàng Văn N1, sinh năm 1966; (anh trai ông Q). Có mặt.

3.12 Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1969; (anh trai ông Q).

Trú tại: Xóm CM, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

3.13 Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1972; Có mặt.

Trú tại: Xóm CM xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

3.14 Công ty A Thái Nguyên.

Địa chỉ: Phường CH, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Người Đ2 diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy B - C V: Giám đốc Công ty. (Vắng mặt tại phiên tòa)

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1942; Ông Nông Văn C1, sinh năm 1944; Ông Hoàng Văn C2 (Trưởng xóm); Ông Lương Hồng T2, sinh năm 1957(bí thư chi bộ xóm, nguyên trưởng xóm CM năm 2003)

Đều trú tại: Xóm CM xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

4.2 Ông Nông Văn B2, sinh năm 1961;

Trú tại xóm PL, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

5. Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn N (người Đ2 diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn Đ) là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Văn N (người Đ2 diện theo ủy quyền anh Hoàng Văn Đ) trình bày:

Năm 1988 bố tôi được nhà nước giao đất, giao rừng với diện tích 04 ha, vị trí giáp đất của ông Hỏi và ông S1. Năm 1994 gia đình nhận giao khoán rừng với Công ty Lâm nghiệp theo Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi phục hồi rừng ngày 10/4/1994 thuộc lô khoảnh 40A diện tích 4 ha. Gia đình ông N quản lý và bảo vệ rừng từ năm 1994 đến năm 2008 thì phát sinh tranh chấp với gia đình ông Hoàng Văn Q và đã được UBND xã VH hòa giải nhưng không thành.

Năm 2020 gia đình ông Q tiếp tục khai thác lâm sản trái phép trên diện tích tranh chấp khoảng 02 ha thuộc thửa đất số 54 tờ bản đồ số 1 xã VH, gia đình ông N đã gửi đơn ra xã VH và xã đã hòa giải ngày 17/02/2020 nhưng không thành. Diện tích đất tranh chấp khi giải quyết ở UBND xã VH xác định là 1,7 ha (chưa đo bằng máy). khi Tòa án giải quyết tranh chấp đã mời cơ quan đo đạc đo bằng máy xác định diện tích tranh chấp thực tế là 13.046,1 m^2.

Nay ông N (L) khởi kiện yêu cầu gia đình ông Hoàng Văn Q đề nghị ông Hoàng Văn Q chấm dứt việc lấn chiếm trái phép, trả lại diện tích đất rừng lấn chiếm cho ông N.

Bị đơn ông Hoàng Văn Q trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 54 tờ bản đồ số 1 xã VH có nguồn gốc là của bố mẹ tôi là Hoàng Văn S1 và bà Lý Thị N2 khai phá từ năm 1980 để trồng lúa nương có xóm xã đều biết và xác nhận.

Năm 1988 bố mẹ tôi trồng sắn. Năm 1989 không trồng sắn nữa thì bố mẹ tôi để rừng mọc tự nhiên và trồng thêm 1 số cây là cây trám, cây trẩu, bồ đề, cây nhừ, cây lim mỗi thứ khoảng 7-8 cây và 16 khóm tre ngà, mai.

Năm 2008 ông Hoàng Văn N bán cây rừng cho ông Vũ Công B và cắt lấn S đất của nhà tôi, tôi gửi đơn ra xã VH hòa giải nhưng hai bên không thỏa thuận được. Xã yêu cầu hai bên cung cấp giấy tờ về nguồn gốc đất tôi cung cấp các giấy tờ xác nhận về nguồn gốc đất do bố mẹ khai phá có sự công nhận của ông Trưởng xóm cũ và những cụ cao niên. Sau khi xã hòa giải không thành tôi gửi đơn lên UBND huyện Đồng Hỷ và huyện giao cho Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Đồng Hỷ giải quyết đơn, sau khi phòng TNMT huyện xác minh thu thập chứng cứ đã ban hành công văn 06 ngày 20 tháng 01 năm 2009 trả lời đơn đề nghị của tôi có nội dung: " Đề nghị ông Hoàng Văn L không được sử dụng lấn chiếm QSD khu đất rừng 1,7 ha do gia đình ông Hoàng Văn Q đã khai hoang phục hóa". Nay diện tích đất tranh chấp khi giải quyết ở UBND xã VH xác định là 1,7 ha (chưa đo bằng máy).

Năm 2020 tôi cắt cây mang về sửa nhà thì ông N vẫn tranh chấp, diện tích tranh chấp thực tế là 13.046,1 m^2. Tôi nhất trí với kết quả đo đạc đất tranh chấp bằng máy của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu.

Nay ông N khởi kiện cho rằng tôi lấn chiếm đất của ông N là không có căn cứ, tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N. Tôi không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu Đc lập đối với việc khởi kiện của ông Hoàng Văn N (L).

* Ông Phạm Trung K và Bà Nguyễn Thị NA là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn- ông Hoàng Văn Q trình bày:

Diện tích đất tranh chấp đã được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc bằng máy xác định diện tích tranh chấp thực tế là 13.046,1 m^2 trong quá trình giải quyết V án được hai bên công nhận về diện tích tranh chấp.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguồn gốc đất là của bố mẹ ông Q (cụ S1 và cụ N2) khai phá và cho ông Q sử dụng từ năm 1997. Năm 2008 ông Hoàng Văn N (L) tranh chấp với ông Hoàng Văn Q và được UBND xã VH, huyện Đồng Hỷ hòa giải nhưng không thành, V việc được chuyển lên UBND huyện giải quyết. UBND huyện giao cho phòng Tài Nguyên và Môi trường xem xét giải quyết đơn đề nghị của các đương sự. Ngày 20/01/2008 Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Đồng Hỷ ban hành công văn số 06 trả lời đương sự trong đó có nội dung yêu cầu gia đình ông Hoàng Văn N không được sử dụng diện tích 1,7 ha . Đến nay ông Hoàng Văn N vẫn kiện đòi số diện tích 1,7 ha (được đo bằng máy xác định là 13.046,1 m^2 tương đương 1,3046,1 ha) là không có căn cứ.

* Người có quyền lợi nghĩa V liên quan:

Bà Luân Thị Q1 (vợ ông Q) nhất trí với ý kiến của ông Q. Các chị em ông Q vắng mặt tại phiên tòa, có bản tự khai xác định nguồn gốc đất của cụ S1, cụ N2, ông Q chỉ là người trông coi quản lý cây trên đất và khi cây đến thời kỳ khai thác

thì chị em chúng tôi được sử dụng chung dùng vào việc sửa chữa nhà cửa và chuồng trại chăn nuôi.

Anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn T1, anh Hoàng Văn Đ1, anh Hoàng Văn C, anh Hoàng Văn V (Là các con của ông Hoàng Văn L) có bản tự khai và có ý kiến như ý kiến của anh Hoàng Văn Đ, đề nghị ông Q trả ông Hoàng Văn N (L) toàn bộ diện tích đất tranh chấp đã được đo đạc bằng máy là 13.046,1 m^2.

Công ty A Thái Nguyên - Đ2 diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy B- C V: Giám đốc công ty trình bày tại Công văn số 171/CT-LN Ngày 22 tháng 3 năm 2021 như sau:

- Về sổ Lâm bạ số 694 ngày 25/10/1988 mang tên Hoàng Văn L do UBND xã VH, huyện Đồng Hỷ giao khoán.

- Đối với Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi rừng ngày 10/4/1994 của Lâm trường Đồng Hỷ với Hộ gia đình ông Hoàng Văn L thực chất là hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng tự nhiên (Loại rừng IIA, trữ lượng rừng tại thời điểm giao khoán là 160 m^3 về diện tích, loại rừng có trong phạm vi cấp sổ lâm bạ năm 1988 cho gia đình ông L hay không công ty không xác định được vì: Những tài liệu giao khoán, bản đồ giao khoán trải qua nhiều thế hệ công ty không còn lưu giữ. Những cán bộ thời kỳ đó đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác; Từ khi giao khoán chủ hộ không ký lại theo hình thức khoán mới của công ty nên công ty không xác định được.

Từ năm 2005 Công ty Ván Dăm Thái Nguyên đã yêu cầu các hộ được Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán bằng sổ Lâm bạ phải chuyển thành hình thức Hợp đồng giao khoán tại Công văn 34/CTVD-CT ngày 21/01/2005.

Sau thời điểm ngày 31/03/2005 sổ lâm bạ hoặc các hợp đồng giao khoán cũ không còn giá trị. Năm 2009 UBND tỉnh Thái Nguyên T2 tra công tác quản lý rừng và đất rừng của Công ty Ván Dăm Thái Nguyên (Nay là Công ty Lâm Nghiệp Thái Nguyên) thửa đất mà Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán cho ông Hoàng Văn L không thuộc quyền quản lý của Công ty (chi tiết tại Kết luận T2 tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/07/2009)

Tại thời điểm hiện tại, Công ty không xác định được mốc giới, ranh giới ngoài thực địa của lô rừng mà năm 1994 Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán cho ông Hoàng Văn L.

Những người làm chứng: Ông Nông Văn C1, Ông Hoàng Văn C2 (Trưởng xóm); Ông Lương Hồng T2 (Bí thư chi bộ xóm, nguyên trưởng xóm CM năm 2003); Ông Nông Văn B1 là những người cao niên đều xác nhận nguồn gốc đất là của ông Hoàng Văn S1 (bố đẻ ông Q khai phá).

Ông Hoàng Ngọc S nguyên là phó chủ tịch xã VH xác định: Năm 1994 ông là Đ2 diện UBND xã VH huyện Đồng Hỷ cùng cán bộ Lâm trường Đồng Hỷ ký hợp đồng khoanh nuôi và bảo vệ rừng cho các hộ trong xã, trong đó có hộ ông Hoàng Văn N (L) thuộc xóm CM, xã VH, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Diện tích đất rừng hiện nay đang có tranh chấp giữa ông N và ông Q chính là diện tích đất rừng của gia đình ông Hoàng Văn N được giao năm 1994.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ. Theo kết quả đo vẽ của Công ty

TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định diện tích tranh chấp nằm trong thửa đất số phần thửa 54 tờ bản đồ số 1, có diện tích 13.046,1 m^2 Cụ thể:

Có các cạnh: Từ cạnh số 1 đến cạnh số 2: 88,69 m; Từ cạnh số 2 đến cạnh số 3: 86,02 m; Từ cạnh số 3 đến cạnh số 4: 33,73 m; Từ cạnh số 4 đến cạnh số 5: 186,35 m; Từ cạnh số 5 đến cạnh số 6: 44,13 m; Từ cạnh số 6 đến cạnh số 1: 116,07 m; *(Có sơ đồ trích đo hiện trạng kèm theo)*

Ngày 17/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xác minh tại Hạt Kiểm Lâm Đồng Hỷ về việc tranh chấp diện tích 13.046,1 m^2 thuộc xóm CM, xã VH do Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc. Hạt Kiểm Lâm Đồng Hỷ xác định, không có hồ sơ quản lý đất với các đương sự mà chỉ có bản đồ kiểm kê rừng năm 2015. Do đó vị trí tranh chấp đất giữa ông L và ông Q Hạt kiểm lâm không xác định được trên thực địa. Sổ lâm bạ cấp cho ông Hoàng Văn L do UBND xã VH cấp, đề nghị Tòa án xác minh tại UBND xã VH về vị trí tranh chấp hiện các đương sự đang tranh chấp theo hồ sơ quản lý đất đai của xã. (BL 188-190)

Ngày 20/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xác minh tại UBND xã VH về việc tranh chấp tại thửa đất số 54 tờ bản đồ số 1 xã VH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, UBND xã VH cung cấp: Vị trí đất tranh chấp là thửa số 54 tờ bản đồ số 1 xã VH. Theo bản đồ địa chính xã VH (bản đồ rừng lập năm 2006) có diện tích 81.766,4 m^2 đo bao vào các thửa khác. Diện tích tranh chấp này đã được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc là 13.046,1 m^2. Việc xác định nguồn gốc đất do trưởng xóm và các hộ lâu năm ở đó xác định. Theo ông N (L) cung cấp có 01 sổ lâm bạ mang tên Hoàng Văn L thuộc xóm CM thể hiện diện tích đất rừng là 3,5 ha. Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi phục hồi rừng do Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán cho nhà ông L sử dụng thì diện tích ghi trong sổ lâm bạ và diện tích ghi trong hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng không phù hợp với diện tích tranh chấp của thửa đất số 54 tờ bản đồ số 1 xã VH. Giữa ông L và ông Q tranh chấp nhiều năm nay, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện Đồng Hỷ đã có công văn số 06/CV- TNMT ngày 20/01/2009 đối với thửa dất số 54 tờ bản đồ số 1 xã VH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, hai bên hiện chưa có GCNQSD đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. (BL 191-192)

Ngày 28/10/2020 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã thành lập Hội đồng định giá tài sản và xác định giá trị tài sản tranh chấp như sau:

Về giá trị đất: Diện tích: 13.046,1 m^2 tại thửa 54 tờ bản đồ số 1, đơn giá: 10.000đồng/m^2, cụ thể: 13.046,1 m^2 x 10.000đồng/m^2 = 130.461.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu, bốn trăm sáu mươi mốt nghìn đồng)*

Về giá trị cây trên đất tranh chấp: gồm: Tre, mai, lim, kháo, bồ đề, keo, nhàu là 10.942.500 đồng. Tổng giá trị Đất + Cây là 141.403.500 đồng *(Một trăm bốn mươi mốt triệu, bốn trăm linh ba nghìn năm trăm đồng)*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST Ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã Quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N (L) về việc khởi kiện ông Hoàng Văn Q đòi 13.046,1 m^2 đất trong thửa 54 tờ bản đồ số 1 xã VH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn N (L) phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tổng số tiền: 9.100.000 đồng anh Hoàng Văn Đ đã nộp và chi phí xong.

3. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Văn N.

Ngày 05/8/2021 Anh Hoàng Văn Đ là người Đ2 diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N, trường hợp chưa đủ căn cứ thì đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hoàng Văn Đ là người Đ2 diện theo ủy quyền của ông N trình bày các căn cứ kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn N (L), bởi các lý do: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp theo bản trích đo hiện trạng là 13.046,1 m^2 đất là một phần trong diện tích 4 ha đất của ông Hoàng Văn N được Lâm trường Đồng Hỷ ký hợp đồng giao khoán từ năm 1994 mà gia đình ông N quản lý và khoanh nuôi phục hồi rừng. Năm 2006 diện tích đất trên đã được đo đạc là thửa số 54 tờ bản đồ số 1, xã VH, huyện Đồng Hỷ, có sổ theo dõi thống kê diện tích đất, tên chủ sử dụng là Hoàng Văn N. Năm 2008 gia đình ông N khai thác gỗ để trồng cây mới thì gia đình Q mới tranh chấp. Ông Q cho rằng đất của gia đình ông do bố mẹ ông Q khai phá là không đúng vì toàn bộ diện tích đất tại thửa 54 tờ bản đồ số 1 là của gia đình nhà ông N, trong thửa đất này có 3,5 ha gia đình ông N đã được cấp sổ Lâm bạ năm 1988 và 4 ha là phần đất có hợp đồng giao khoán năm 1994. Toàn bộ thửa đất số 54 đều nằm trên một quả đồi gia đình ông N đã trồng cây keo liền kề diện tích đất tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông Q phải trả lại đất cho gia đình ông N.

Ông Hoàng Văn Q không nhất trí kháng cáo của ông Hoàng Văn N với lý do: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của bố mẹ đẻ ông khai phá năm 1980, năm 1997 ông Q sử dụng đất đến năm 2008 mới có tranh chấp và đã được UBND xã VH giải quyết. Năm 2020 gia đình ông khai thác gỗ trên phần đất nêu trên thì có bị Kiểm lâm huyện Đồng Hỷ xử phạt. Tại phiên tòa ông Q và bà Q1 cũng xác định từ năm 1997 đến nay gia đình ông chưa được kê khai sử dụng đất tại UBND xã VH, hiện nay diện tích đất tranh chấp nêu trên chưa ai được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Năm 2006 khi cán bộ đến đo vẽ là đo bao cả các thửa khác, đề nghị Hội đồng xét xử xác minh làm rõ, ông Q và bà Q1 không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý V án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn Đ (người Đ2 diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn N). Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST Ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Về án phí, ông Hoàng Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hoàng Văn N không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Hoàng Văn Đ là người Đ2 diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn N đồng thời là người có quyền lợi liên quan làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Xét các nội dung kháng cáo của anh Hoàng Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 1994 gia đình ông Hoàng Văn N nhận giao khoán rừng với Lâm trường huyện Đồng Hỷ, có Hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi phục hồi rừng ngày 10/4/1994 thuộc lô khoảnh 40A diện tích 4 ha. Tại thời điểm gia đình ông Hoàng Văn N nhận giao khoán diện tích đất nêu trên chưa có bản đồ giao đất giao rừng. Năm 2006 được đo vẽ theo bản đồ địa chính số 1 là thửa đất số 54 thuộc xã VH huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[3.] Theo ông N xác định: Thửa đất số 54 tờ bản đồ số 1 là của gia đình nhà ông N, trong đó có 3,5ha đất gia đình ông N đã được cấp sổ Lâm bạ năm 1988 và 4 ha là phần đất có hợp đồng giao khoán năm 1994. Toàn bộ thửa đất 54 là một quả đồi, thực tế gia đình ông N đã trồng toàn bộ cây keo. Còn diện tích đất hiện nay đang tranh chấp với gia đình ông Q thuộc một phần diện tích đất 4ha ông N được giao khoán năm 1994, gia đình ông N vẫn quản lý từ năm 1994 đến năm 2008 khi gia đình ông khai thác gỗ để trồng cây mới thì gia đình ông Q tranh chấp. Toàn bộ cây trám, cây trẩu, bồ đề, cây nhừ, cây lim, tre ngà, mai đều mọc tự nhiên, không phải do gia đình ông Q trồng, chỉ có một số cây keo gia đình ông Q trồng năm 2020 khi hai bên đã tranh chấp và được hòa giải tại xã yêu cầu giữ nguyên hiện trạng.

[4.] Ông Hoàng Văn Q xác định: Nguồn gốc thửa đất số 54 tờ bản đồ số 1 xã VH là của bố mẹ ông là Hoàng Văn S1 và bà Lý Thị N2 khai phá từ năm 1980 để trồng lúa nương có xác nhận của những người cao niên. Năm 1988 bố mẹ ông trồng sắn. Năm 1989 không trồng sắn nữa thì bố mẹ ông để rừng mọc tự nhiên và trồng thêm 1 số cây là cây trám, cây trẩu, bồ đề, cây nhừ, cây lim mỗi thứ khoảng 7-8 cây và 16 khóm tre ngà, mai. Gia đình ông vẫn quản lý, năm 2020 có trồng thêm cây keo. Ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông N.

[5.] Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn Đ và ông Hoàng Văn Q đều xác định:

Về diện tích đất tranh chấp là 13.046,1 m^2 đúng như bản trích đo hiện trạng do công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo vẽ năm 2020 (có sơ đồ). Ông Hoàng Văn N và ông Hoàng Văn Q đều chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Về vị trí đất tranh chấp giữa gia đình ông Hoàng Văn N và gia đình ông Hoàng Văn Q nay thuộc một phần trong thửa đất số 54, tờ bản đồ số 1 tại xã VH huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[6.] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên có sự tham gia của ông Hoàng Ngọc S nguyên là phó chủ tịch UBND xã VH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xác định: Năm 1994 có thành lập tổ công tác thực hiện việc giao khoán, xác định đất lúc đấy chỉ giữ lấy

củi, mỗi năm cho tiền trông nom để không phá rừng, chủ yếu để giữ rừng. Vị trí giao đất cho ông N năm 1994 đúng là vị trí đất tranh chấp hiện nay, cả quả đồi giao cho ông N. Sơ đồ, hồ sơ do Lâm trường Đồng Hỷ quản lý.

Công Ty Lâm Nghiệp Thái Nguyên đã xác định tại thời điểm hiện tại, Công ty không xác định được mốc giới, ranh giới ngoài thực địa của lô rừng mà năm 1994 Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán cho ông Hoàng Văn L vì: Những tài liệu giao khoán, bản đồ giao khoán trải qua nhiều thế hệ công ty không còn lưu giữ. Những cán bộ thời kỳ đó đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác; Từ khi giao khoán chủ hộ không ký lại theo hình thức khoán mới của công ty nên công ty không xác định được. Nay, thửa đất mà Lâm trường Đồng Hỷ giao khoán cho ông Hoàng Văn L không thuộc quyền quản lý của Công ty.

[7.] Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại UBND xã VH huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên là sổ thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng đất lâm nghiệp, đất đồi núi chưa sử dụng và các loại đất khác tờ bản đồ số 1 được lập năm 2006 do UBND xã VH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đang quản lý thể hiện: Tại trang 3 có ghi: Tờ bản đồ số 1; Số thứ tự 54, số thửa 54; họ tên chủ sử dụng đất: Hoàng Văn N; diện tích 82322m^2. RSN.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông Q không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh, gia đình ông được sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên.

[8.] Như vậy, có căn cứ xác định vị trí, diện tích đất tranh chấp giữa gia đình ông Hoàng Văn N và gia đình ông Hoàng Văn Q là một phần thửa đất số 54 tờ bản đồ số 1 được ghi rõ trong sổ thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng đất lâm nghiệp, đất đồi núi chưa sử dụng và các loại đất khác tờ bản đồ số 1, xã VH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là của ông Hoàng Văn N chủ sử dụng và cũng phù hợp với các chứng cứ chứng minh như hợp đồng khoanh nuôi và bảo vệ rừng của ông Hoàng Văn N năm 1994, phù hợp với lời khai của ông Hoàng Ngọc S nguyên là phó chủ tịch UBND xã VH là người trực tiếp giao đất cho gia đình ông Hoàng Văn N đã xác định vị trí đất tranh chấp đúng là vị trí đất mà gia đình ông N được giao khoán năm 1994, phù hợp với sổ theo dõi đất rừng và bản đồ đất rừng năm 2006 tại UBND xã VH huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[9.] Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá đầy đủ các căn cứ pháp lý về việc kê khai, sổ theo dõi quản lý đất đai tại UBND xã VH năm 2006 và lời khai của ông Hoàng Ngọc S là người trực tiếp giao đất cho gia đình ông Hoàng Văn N năm 1994 mà nhận định "theo phong tục tập quán địa phương đất khai phá được phân chia theo đỉnh dông nước chảy bên nào thì bên ấy sử dụng" từ đó xác định 13.046,1 m^2 đất tranh chấp có nguồn gốc là đất của ông Hoàng Văn S1 (bố đẻ ông Q) khai phá và cho ông Q quản lý sử dụng từ năm 1997 là không có cơ sở. Mặt khác, khi giải quyết tranh chấp đất giữa gia đình ông Hoàng Văn N và ông Hoàng Văn Q, phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đồng Hỷ đã ban hành công văn số 06/CV-TNMT ngày 20/01/2009 có nội dung " Phòng Tài nguyên và môi trường đề nghị ông Hoàng Văn L không được sử dụng lấn chiếm QSD khu đất 1,7ha do gia đình ông Hoàng Văn Q đã khai hoang phục hóa" là chưa đủ cơ sở, chưa xem xét đến nguồn gốc sử dụng đất và quá trình quản lý đất đai tại địa phương như sổ theo

dõi... bản đồ địa chính năm 2006 thể hiện chủ sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 1 là của ông Hoàng Văn N.

[10.] Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 28/10/2020, xác định: Đối với cây keo ông Q trồng trên đất tranh chấp 13.046,1 m^2 là 1000 cây mới (năm 2020) có giá trị: 1000 cây x 2.000đ/cây = 2.000.000đồng. Mặc dù gia đình ông Q trồng vào thời điểm các bên đang có tranh chấp, tuy nhiên chi phí trồng cây là thực tế. Vì vậy, khi buộc gia đình ông Q phải trả lại đất cho gia đình ông N quản lý thì cần buộc ông N phải T2 toán giá trị cây trên đất là phù hợp.

Đối với các cây khác trên đất tranh chấp, không có căn cứ chứng minh bị đơn trồng nên không có căn cứ buộc nguyên đơn T2 toán giá trị.

[11.] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn N cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST Ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Về án phí: Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Ông Hoàng Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn N (L) tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tổng số tiền lần 1 là : 9.100.000 đồng; lần 2 là 2.000.000đồng. Anh Hoàng Văn Đ đã nộp và chi phí xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của anh Hoàng Văn Đ (người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn N).

Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST Ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ các Điều 26; 143, 147, 157, 165, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 189; 190; 357 Bộ luật dân sự. Điều 95; Điều 96; Điều 100; Điều 135; Điều 136; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường V Quốc hội. Tuyên xử:

[1.] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn N (L) đối với ông Hoàng Văn Q về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc ông Hoàng Văn Q và bà Luân Thị Q1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trả lại cho hộ ông Hoàng Văn N (L) quản lý 13.046,1 m^2 đất thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 1 tại xóm CM, xã VH, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Theo bản trích đo hiện trạng đo vẽ tháng 8 năm 2020 cụ thể các vị trí: 1,2,3,4,5,6,1 (có sơ đồ kèm theo).

Ông Hoàng Văn N (L) được quyền sử dụng 1000 cây keo và có trách nhiệm T2 toán giá trị 1000 cây keo cho gia đình ông Hoàng Văn Q và bà Luân Thị Q1 là 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền

được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS

[2.] Về án phí, lệ phí:

Ông Hoàng Văn N (L) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Hoàng Văn Đ (người đại diện theo ủy quyền của ông N) không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006672 ngày 16/8/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Ông Hoàng Văn N tự nguyện nộp lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tổng số tiền là 11.100.000 đồng (anh Hoàng Văn Đ đã nộp và chi phí xong).

Ông Hoàng Văn Q phải chịu án 6.523.000đồng (sáu triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ V án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hồng Phương